

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU TH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 9/8/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU TH - TỈNH TRÀ VINH

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Thanh Duyên

2. Thạch Thanh Sơn

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phụng Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bùi Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Long Bình, phường 4, Th phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Nhi Minh Tr, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thanh Trì A, xã Đa Lộc, huyện Châu Th, tỉnh Trà Vinh

Con chung của chị M và anh Tr: Nhi Huỳnh Kiều M, sinh năm 2015; Nhi Minh Th, sinh năm 2017 (vắng mặt)

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp Long Bình, phường 4, Th phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tự khai của chị Bùi Huỳnh Ngọc M như sau:

Chị M và anh Tr chung sống năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 4, Th phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống có 02 con chung tên Nhi Huỳnh Kiều M, sinh năm 2015; Nhi Minh Th, sinh năm 2017. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Chị M và anh Tr luôn bất đồng ý kiến, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Tr. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.
Chị M bận công việc không đến tòa được nên có đơn yêu cầu tòa xét xử vắng mặt.

Theo biên bản ghi lời khai của anh Nhi Minh Tr ngày 8/8/2023 như sau:

Anh Tr thống nhất với chị M về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do tính tình không hợp nhau. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh Tr cũng đồng ý ly hôn với chị M. Về con chung: anh Tr yêu cầu được nuôi 01 đứa con, đứa nào cũng được. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do anh Tr bận đi làm ăn xa nên yêu cầu tòa giải quyết vắng mặt.

Theo tự khai của cháu Nhi Huỳnh Kiều M; Nhi Minh Th như sau: Nếu cha và mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị M cho chị được ly hôn với anh Tr. Về con chung: chị M được tiếp tục nuôi con Nhi Huỳnh Kiều M; Nhi Minh Th. Chị M không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị M, anh Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh Tr chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 4 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M và anh Tr bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết ly hôn với anh Tr. Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên cho anh, chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh Tr không đến nên việc hòa giải không được. Anh Tr cũng có lời khai đồng ý ly hôn chị M. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên Hội đồng xử án chấp nhận yêu cầu của chị M cho chị được ly hôn với anh Tr.

[3] Về con chung: Chị M và anh Tr có yêu cầu được nuôi con. Tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Nếu con 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con”. Như vậy cháu Kiều M; Minh Th đã đủ 7 tuổi có nguyện vọng sống với chị M nên Hội đồng xử án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị M cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M và Th.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xử án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; 56, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Huỳnh Ngọc M cho chị được ly hôn với anh Nhi Minh Tr.

Về con chung: Giao con chung tên Nhi Huỳnh Kiều M; Nhi Minh Th, cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tr được quyền tới lui, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xử án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị M nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016594 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th; Chị M không phải nộp nữa.

- Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn- bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Th;
- THADS huyện Châu Th;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thu Hằng